CÔNG TY TNHH PHÚ ĐỨC GROUP

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÚ ĐỨC GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHU DUC GROUP COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: PHU DUC GROUP CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110166914

3. Ngày thành lập: 31/10/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số N03-LK14-Khu đất dịch vụ Hà Trì, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0985177912/0966890766* Fax:

Email: *phuducgroup@gmail.com* Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu đấu giá)	*4541*
2.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	*4542*
3.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu đấu giá)	*4543*
4.	Bán buôn thực phẩm	*4632*
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Loại trừ bán buôn dược phẩm)	*4649*
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	*4659*
7.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	*4661*
8.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	*4669*
9.	Cho thuê xe có động cơ	*7710*
10.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	*4719*
11.	Sản xuất các loại bánh từ bột	*1071*
12.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	*1073*
13.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	*1392(Chính)*
14.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	*1393*
15.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	*1394*
16.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	*1430*
17.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	*1512*
18.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	*1621*
19.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	*1622*
20.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	*1623*

21.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	*1629*
22.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	*2591*
23.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	*2592*
24.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	*2593*
25.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (Điều 13, Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ và Điều 1, Nghị định 47/2022/NĐ-CP, ngày 19/07/2022 về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải)	*4931*
26.	Vận tải hành khách đường bộ khác (Điều 13, Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ và Điều 1, Nghị định 47/2022/NĐ-CP, ngày 19/07/2022 về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải)	*4932*
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	*5229*
28.	Đại lý du lịch Chi tiết: Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế (Điều 31, Luật số: 09/2017/QH14, ngày 19/06/2017 về Điều kiện kinh doanh dịch vụ lữ hành)	*7911*
29.	Điều hành tua du lịch	*7912*
30.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	*3311*
31.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	*3312*
32.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	*3313*
33.	Sửa chữa thiết bị điện	*3314*
34.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	*3315*
35.	Sửa chữa thiết bị khác	*3319*
36.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	*3320*
37.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	*3600*
38.	Thoát nước và xử lý nước thải	*3700*
39.	Thu gom rác thải không độc hại	*3811*
40.	Thu gom rác thải độc hại	*3812*
41.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	*3821*
42.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	*3822*
43.	Tái chế phế liệu	*3830*
44.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	*3900*
45.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	*4761*
46.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	*4762*
47.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	*4763*

48.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	*4764*
49.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	*4771*
50.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	*4772*

6. Vốn điều lệ: 1.200.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ LÝ	Việt Nam	CHCC số 1611B1, CC Hòa Bình Green City, 505 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	720.000.000	60,000	031181000273	
2	NGUYỄN ĐỨC LONG	Việt Nam	Số 2302A1, CC Hòa Bình Green City, 505 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	480.000.000	40,000	001201024406	

8. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: NGUYỄN THỊ LÝ Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *14/05/1981* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *031181000273*

Ngày cấp: *15/04/2021* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *CHCC số 1611B1, CC Hòa Bình Green City, 505 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *CHCC số 1611B1, CC Hòa Bình Green City, 505 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội